



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

---

# 2023

Hà Nội

# MỤC LỤC

## I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức KD và bộ máy quản lý
5. Định hướng phát triển
6. Các loại rủi ro

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông
6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

## III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm
2. Tình hình tài chính
3. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty
3. Các định hướng kế hoạch của Hội đồng quản trị

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Thù lao, lương, thưởng các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban

## VI. BCTC kiểm toán 2023

# I. THÔNG TIN CHUNG

## 1. Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được chính thức thành lập theo Giấy phép số 86/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 20/12/2007, với sự sáng lập của các doanh nghiệp danh tiếng có tiềm lực tài chính lớn, gồm có: Công ty Cổ phần Cấp và Vật liệu viễn thông, Tổng Công ty Đức Giang, và một số cổ đông cá nhân có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

### Một số thông tin cơ bản về WSS:

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
- Tên Tiếng Anh: Wall Street Securities Company
- Vốn điều lệ: 503.000.000.000 VND (Năm trăm lẻ ba tỷ đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023: 514.883.567.846 VND
- Trụ sở chính: Tầng 9, Toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại: (84.24) 3936 7083 Fax: (84.24) 3936 7082
- Email: [info@wss.com.vn](mailto:info@wss.com.vn)
- Website: <http://www.wss.com.vn>
- Mã số thuế: 0102590252
- Mã cổ phiếu: WSS

BỘ TÀI CHÍNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /GPĐC-UBCK

Hà Nội, ngày 26 tháng 5 năm 2017

BẢN SAO

## GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

### CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;  
Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;  
Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;  
Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;  
Căn cứ Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;  
Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán;  
Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 86/UBCK-GP ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp cho Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall.  
Căn cứ hồ sơ đề nghị điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần chứng khoán Phố Wall;

# TẦM NHÌN - SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

## TẦM NHÌN

Phát triển WSS thành doanh nghiệp mạnh, bền vững, góp phần xây dựng thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung phát triển bền vững, minh bạch thông tin

## SỨ MỆNH

Công ty cổ phần Chứng khoán Phố Wall luôn nhận thức và mang trong mình trách nhiệm:

- Xây dựng thị trường chứng khoán phát triển mạnh mẽ
- Luôn cung cấp dịch vụ chăm sóc tốt nhất dành cho khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông
- Quan tâm, bồi dưỡng trình độ nhân viên để tạo nên sức mạnh gắn kết tập thể

## GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tất cả các thành viên của WSS luôn đặt giá trị cốt lõi lên hàng đầu, là kim chỉ nam cho mỗi hoạt động của mình:

- Chuẩn mực đạo đức: Tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp
- Chăm sóc: Luôn đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu
- Đổi mới – sáng tạo: Đội ngũ nhân viên công ty luôn không ngừng trau dồi, nâng cao kỹ năng, trình độ



## 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

12/2007

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động số 86/UBCK-GP

1/2008

Trở thành thành viên thứ 65 của HNX

2/2008

Trở thành thành viên thứ 73 của HSX

11/2009

WSS chào bán 19,8 triệu cổ phiếu và tăng vốn điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 366 tỷ đồng

12/2009

Niêm yết 16,8 triệu cổ phiếu trên SGDCK Hà Nội

6/2010

Khai trương chi nhánh TP.HCM

7/2010

WSS niêm yết bổ sung 13.700.000 CP lên SGDCK Hà Nội

8/2010

Khai trương PGD Hoàn Kiếm, TP.HN

1/2011

Tăng vốn điều lệ lên 503 tỷ đồng

### 3. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

#### DỊCH VỤ MÔI GIỚI

Nghiệp vụ mà WSS đứng ra, làm nơi trung gian giúp Quý khách hàng tiếp cận thông tin nhanh và chính xác về thị trường thông qua:

- Cơ chế nhận lệnh, truyền lệnh nhanh chóng, chính xác và hiệu quả;
- Đa dạng hình thức nhận lệnh như: trực tiếp tại sàn, SMS, internet, điện thoại;
- Kết quả nhận lệnh nhanh chóng qua Internet, SMS hoặc tại Công ty.

#### TƯ VẤN TÀI CHÍNH DN

Thế mạnh của WSS giúp khách hàng tiếp cận nhanh chóng với các dịch vụ tư vấn như: tư vấn phát hành, tư vấn niêm yết, Xác định giá trị Doanh nghiệp, Tư vấn Cổ phần hóa và chuyển đổi loại hình Doanh nghiệp, Tư vấn tái cấu trúc TCDN, Tư vấn giải pháp Quản trị Doanh nghiệp, Thẩm định dự án đầu tư, Tư vấn M&A.

#### LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

WSS nhận ký gửi, bảo quản an toàn, chuyển giao và ghi nhận sổ hữu chứng khoán và quản lý sổ cổ đông, hỗ trợ khách hàng thực hiện dịch vụ liên quan: chuyển nhượng và thanh toán chứng khoán, thực hiện quyền đối với chứng khoán, Phong tỏa/Giải phóng, phong tỏa chứng khoán, Lưu ký cổ đông cho các công ty đại chúng.

#### NGHIÊN CỨU – PHÂN TÍCH

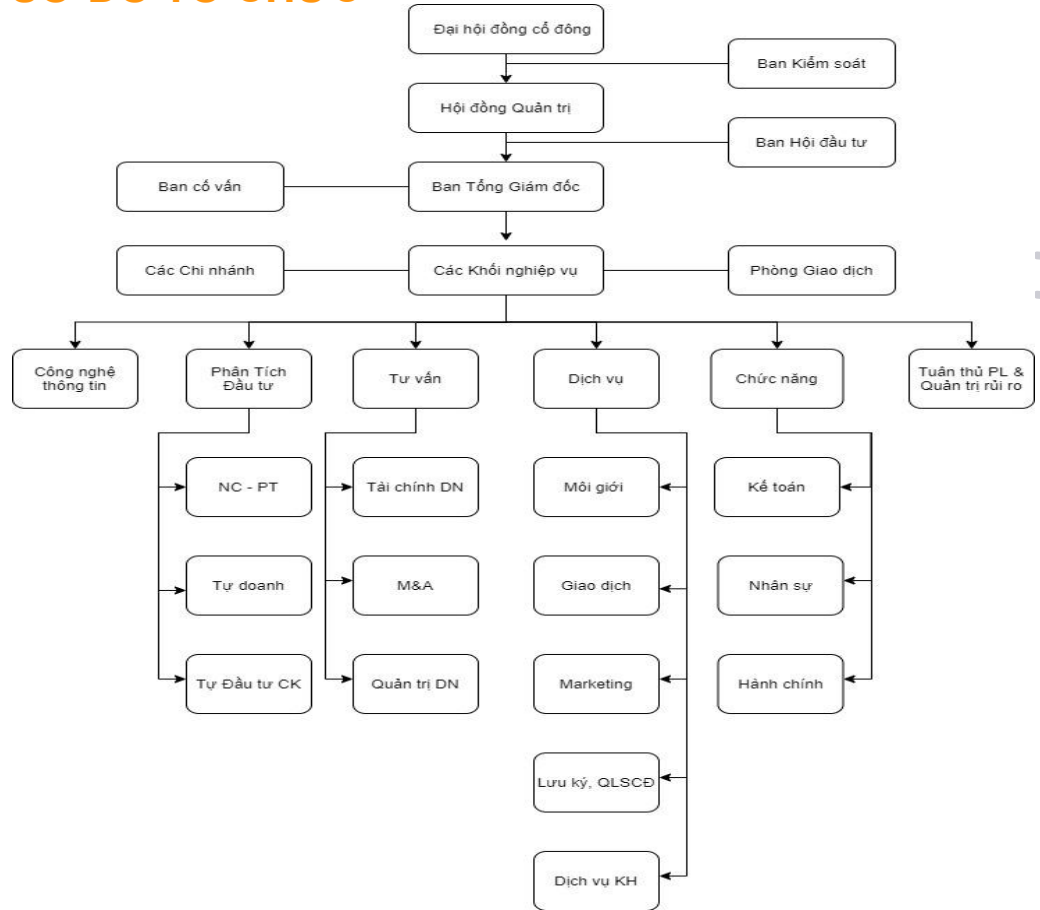
WSS cung cấp miễn phí bản tin thị trường hàng ngày, hàng tháng và hàng quý của thị trường trong nước và thế giới, kèm theo Báo cáo nghiên cứu và phân tích, tổ chức các buổi giao lưu gặp gỡ các nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về thị trường, kiến thức tài chính, kinh tế.



### ĐỊA BÀN KINH DOANH

HĐKD của Công ty trải khắp cả nước tuy nhiên hiện nay chủ yếu công ty tập trung hoạt động mạnh tại Hà Nội.

## 4. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

WSS luôn cố gắng duy trì và phát triển về quy mô và chất lượng để tiếp tục theo đuổi mục tiêu bền vững và an toàn. Với định hướng xây dựng và thu hút đội ngũ nhân lực trình độ cao giàu kinh nghiệm để tạo nên những bước đi vững chãi của công ty. Không ngừng tiếp thu học hỏi từ những tổ chức, công ty Chứng khoán lớn tại Việt Nam, phát triển mạng lưới chi nhánh, đại lý trên toàn quốc. Luôn mang đến cho khách hàng những sản phẩm dịch vụ mới dựa trên hệ thống công nghệ thông tin hiện đại và phát triển nhất của Công ty, giúp nhà đầu tư có những trải nghiệm tốt nhất khi đến với WSS. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục đẩy mạnh những nghiệp vụ như hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, sáp nhập và mua bán doanh nghiệp, bảo lãnh phát hành, nhằm đưa WSS trở thành Ngân hàng đầu tư hàng đầu Việt Nam.

## 6. CÁC LOẠI RỦI RO

- **Rủi ro Kinh tế:** Tăng trưởng kinh tế là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp, ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán nói chung và công ty chứng khoán nói riêng. Nền kinh tế tăng trưởng cùng với tiềm năng tốt sẽ dẫn theo sự phát triển của thị trường chứng khoán. Ngược lại, khi có ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, thị trường chứng khoán cũng sẽ phản ứng cùng chiều theo sự tiêu cực đó; suy giảm về chỉ số, tính thanh khoản của thị trường.
- **Rủi ro Lạm phát:** Lạm phát là yếu tố luôn đi kèm với sự phát triển kinh tế. Nền kinh tế phát triển thường đi kèm là lạm phát cao, là nguy cơ gây bất ổn với nền kinh tế, xã hội, và kèm theo cả sự tiêu cực đối với thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán.
- **Rủi ro Lãi suất:** Lãi suất là yếu tố rất nhạy cảm trên thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến tiết kiệm, đầu tư và sản xuất của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán nói riêng, cũng như các nhà đầu tư chứng khoán.
- **Rủi ro khác:** Các rủi ro không thể lường trước và kháng cự như: dịch bệnh, thiên tai, bão lụt, động đất,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của toàn bộ thị trường chứng khoán nói chung cũng như hoạt động riêng của WSS.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả SXKD năm 2023

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	Tỷ lệ hoàn thành (%)
Tổng Doanh thu	45.190	43.250	95,71
Chi phí	40.070	41.603	103,83
Lợi nhuận trước thuế	5.120	1.646	32,15
Cổ tức %	-	-	-

Tình hình thực hiện so với kế hoạch  
và cùng kỳ năm 2022

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện		Kế hoạch 2023	Tỷ lệ thực hiện 2023 (%)	
	2022	2023		So với KH	So với 2022
Tổng Doanh thu	35.232	43.250	45.190	95,71	122,76
Chi phí	53.842	41.603	40.070	103,83	77,27
Lợi nhuận trước thuế	-18.615	1.646	5.120	32,15	8,84
Cổ tức %	-	-	-	-	-

WALL STREET  
SECURITIES

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty: công ty chưa đạt được như kỳ vọng.

Tổng doanh thu của Công ty năm 2023 đạt 43,25 tỷ đồng tăng 22,7% so với năm 2022 và bằng 95,71% so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch tổng doanh thu của Công ty đạt 45 tỷ đồng). Trong đó Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán là 0.91 tỷ đạt 28,43% kế hoạch; Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là 2.43 tỷ chỉ đạt 48.51% so với kế hoạch. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán là 34.33 tỷ đồng bằng 111.04% so với kế hoạch; Chi phí quản lý công ty chứng khoán là 6.73 tỷ đồng bằng 82,55% so với kế hoạch; Lợi nhuận kế toán trước thuế 1.65 tỷ.

Trong năm Ban lãnh đạo và các cán bộ trong Công ty đã nỗ lực thực hiện mục tiêu kế hoạch đặt ra, tuy nhiên trong bối cảnh thị trường rất khó khăn, nhiều yếu tố khó lường, lực lượng phát triển kinh doanh còn mỏng, chính sách, chiến lược kinh doanh chưa linh hoạt, đa dạng và ứng biến là nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động của Công ty chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đề ra.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2. Tổ chức và nhân sự

#### NGUYỄN ĐĂNG TRƯỜNG

- Ông Nguyễn Đăng Trường là Tổng Giám đốc WSS từ 05/10/2017 đến nay.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh doanh

- Quá trình công tác:
  - 2004 – 2009: Chuyên viên – Viên KHCN-Bộ GTVT
  - 2009 – 2013: Giám đốc – CTCP Đầu tư XD Vinalinks
  - 2013 – 2014: Giám đốc kinh doanh – CTCP Đầu tư VGX
  - 2014 – T5/2016: Giám đốc đầu tư CTCP CK Phố Wall
  - 05/2016 – 09/2018: Phó Giám đốc – CTCP Thực phẩm Hà Nội
  - T10/2018 – Nay: Tổng Giám đốc – CTCP CK Phố Wall
  - 04/2013: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP CK Phố Wall

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số CP nắm giữ: 0 cổ phần

Số CP của người có liên quan: 0 cổ phần

#### NGUYỄN VIỆT THẮNG

- Ông Nguyễn Việt Thắng là Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc từ 27/04/2018.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính

- Quá trình công tác:
  - Gia nhập WSS từ tháng 5/2008 và là một trong những lớp cán bộ đầu tiên góp phần xây dựng công ty.

Chức vụ nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư Tài chính Giáo dục.

Số CP nắm giữ: 0 cổ phần

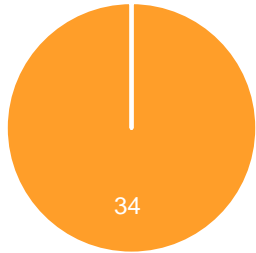
Số CP của người có liên quan: 0 cổ phần

Ban Tổng Giám đốc gồm Tổng Giám đốc và Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc giúp việc cho Tổng Giám đốc theo các lĩnh vực do Tổng Giám đốc phân công.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 2. Tổ chức và nhân sự

Cơ cấu lao động 2023



Trên Đại học   Dưới Đại học   Đại học

#### Thời gian làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ mỗi ngày, 5 ngày mỗi tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ hợp đồng, dự án hoặc các công việc đột xuất cần giải quyết gấp thì Công ty bố trí làm thêm giờ. Công ty có chính sách phù hợp để đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của nhà nước với mức đãi ngộ thỏa đáng nhằm ghi nhận đóng góp của các nhân viên trong Công ty.

#### Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết

Cán bộ công nhân viên toàn Công ty được nghỉ lễ, tết theo đúng Quy định của Luật Lao động, CBCNV có thâm niên công tác từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm, những nhân viên có thời gian làm việc tại Công ty chưa đủ 12 tháng thì số ngày được nghỉ phép trong năm được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Ngoài ra, cứ 05 năm làm việc tại Công ty nhân viên được cộng thêm 01 ngày phép.

#### Chính sách thưởng

Quy định khen thưởng áp dụng đối với toàn thể nhân viên có thành tích trong lao động và nghiêm chỉnh thực hiện Quy định làm việc này.

#### Đào tạo nâng cao trình độ

Công ty chú trọng việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn và đa dạng nghiệp vụ cho nhân viên thông qua việc thường xuyên cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo, tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tổ chức trong và ngoài nước.

#### Chính sách lương

Chính sách lương đảm bảo cho người lao động được hưởng tất cả các chế độ theo quy định của pháp luật, phù hợp với năng lực, trình độ của từng người. Ngoài lương cơ bản, NV còn được hưởng lương, thưởng công việc theo năng suất và hiệu quả công việc.

#### Bảo hiểm và phúc lợi

WSS thực hiện việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội theo đúng Quy định của pháp luật. Ngoài ra, Công ty đã ký hợp đồng với nhiều phòng khám đa khoa tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra sức khỏe hàng năm cho toàn bộ CBCNV. Cũng từ nguồn kinh phí của Quỹ phúc lợi, hàng năm công ty tổ chức cho toàn bộ NV đi nghỉ mát tại một số khu du lịch cao cấp. Chính các hoạt động này đã góp phần gắn kết và tăng cường tinh tập thể và xây dựng nên một tập thể NV vững mạnh.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 4. Tình hình tài chính

Bảng 4.1 Các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính

Đơn vị: đồng

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	(lần)	70,79	130,54
Hệ số thanh toán nhanh	(lần)	70,79	130,54
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	1,32	0,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,34	0,72
<b>Chỉ tiêu về năng lực HĐ</b>			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	6,67	8,2
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	(53,61)	3,87
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	(3,63)	0,32
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	(3,58)	0,32
Tỷ suất Lợi nhuận HDSXKD/Doanh thu thuần	%	(50,15)	4,72

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch (%)
Tổng tài sản	520.109.029.090	518.599.151.202	(0,29)
Doanh thu thuần	34.714.154.407	42.510.046.856	22,46
Lợi nhuận từ HĐKD	(17.410.524.104)	2.008.191.440	111,53
Lợi nhuận khác	270.000.000	180.000.000	(33,33)%
LN trước thuế	(18.610.192.319)	1.646.969.126	108,85%
Lợi nhuận sau thuế	(18.610.192.319)	1.646.969.126	108,85%



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 5. Cơ cấu cổ đông

Tổng CP đang lưu hành : 50.300.000 CP

SLCP chuyển nhượng tự do : 50.300.000 CP

SLCP hạn chế chuyển nhượng : 0 CP

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu : Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

Các chứng khoán khác : Không có

### Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 21/03/2024.

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Cổ đông phổ thông</b>	<b>1.141</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông trong nước và nước ngoài</b>	<b>1.141</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>
2.1	Cổ đông trong nước	1.128	49.245.700	492.457.000.000	97,90%
2.2	Cổ đông nước ngoài	13	1.054.300	10.543.000.000	2,10%
<b>3</b>	<b>Cổ đông là tổ chức và cá nhân</b>	<b>1.141</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>
3.1	Cổ đông là tổ chức	08	1.822.281	18.222.810.000	3,62%
3.2	Cổ đông cá nhân	1.133	48.477.719	484.777.190.000	96,38%
<b>4</b>	<b>Cơ cấu vốn</b>	<b>1.141</b>	<b>50.300.000</b>	<b>503.000.000.000</b>	<b>100%</b>
4.1	Cổ đông lớn (trên 5%)	03	29.220.000	292.200.000.000	58,09%
4.2	Cổ đông từ 1%-5%	11	12.790.000	127.900.000.000	25,43%
4.3	Cổ đông dưới 1 %	1.127	8.290.000	82.900.000.000	16,48%

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

#### *Tuân thủ pháp luật về Bảo vệ môi trường.*

Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: **Không có**.

#### *Chính sách liên quan đến người lao động*

- Số lượng lao động 2023: 34 người
- Mức lương trung bình của Người lao động: 10 triệu đồng/người/tháng

#### *Hoạt động đào tạo người lao động*

Trong năm Công ty đã phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp đào tạo nâng cao chất lượng người lao động, và tự tổ chức các khóa đào tạo nội bộ cho các cán bộ về các chuyên đề, nghiệp vụ.

#### *Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của NLD*

- Xây dựng môi trường làm việc nơi mỗi người có thể phát huy tối đa khả năng chuyên môn, kiến thức, đóng góp, chia sẻ và cống hiến về sức lực, trí tuệ và được hưởng chế độ đãi ngộ tương xứng;
- Công ty luôn xác định công tác phát triển nguồn nhân lực không chỉ nhằm đẩy mạnh chất lượng nguồn nhân lực mà còn giúp mỗi CBNV thấm nhuần văn hóa Công ty, tăng cường sự gắn bó;
- Công ty đã từng bước cải thiện các chính sách lương thưởng cạnh tranh và các chính sách phúc lợi cho NLD;
- Công ty luôn chú trọng duy trì và phát triển tới mức tối đa tinh thần thể chất và tinh thần của NLD với một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh.

#### *Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

Tinh thần vì cộng đồng, trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội luôn được Công ty đề cao. Hằng năm, CBCNV Công ty đều rất tích cực tham gia các hoạt động tình nguyện.

#### *Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN*

Trong khuôn khổ Chương trình Hợp tác Việt – Đức “Cải cách Kinh tế Vĩ mô/Tăng trưởng xanh”, ngày 28/10/2015, UBCKNN phối hợp với Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức tổ chức Hội nghị chuyên đề “Khuôn khổ định hướng về tài chính xanh và các sản phẩm tài chính xanh”. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Chứng khoán, WSS nhận thức được vai trò của tăng trưởng xanh đối với sự phát triển của một tổ chức tài chính nói riêng và Việt Nam nói chung. WSS sẵn sàng và chủ động tham gia các kế hoạch hành động liên quan hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

### Hoạt động môi giới

Hoạt động kinh doanh môi giới phụ thuộc nhiều vào diễn biến của thị trường chứng khoán trong và ngoài nước. Năm 2023 chứng khoán thế giới sụt giảm và đặc biệt là chứng khoán Việt Nam có sự sụt giảm cả về chỉ số và thanh khoản. Trong năm 2023, kết quả hoạt động môi giới không đạt kết quả tốt và không đạt kế hoạch đề ra.

### Hoạt động Tư vấn

Năm 2023 là một năm đầy biến động về cả địa chính trị thế giới và trong nước các sự vụ liên quan đến thao túng thị trường chứng khoán, sai phạm trong hoạt động trái phiếu doanh nghiệp đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu và tư vấn niêm yết doanh nghiệp.

### Hoạt động đầu tư

Công ty hiện đang có khoản đầu tư dài hạn vào các công ty khác với tổng giá trị 19.750.000.000 tỷ đồng.

### Chi phí

Trong năm 2023, Chi phí hoạt động kinh doanh tăng với 41,63 tỷ đồng bằng 103,83% so với kế hoạch; nhưng Chi phí này lại giảm so với năm 2022 và bằng 77,27% so với cùng kì năm 2022.

# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 2. Tình hình tài chính

STT	Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện 2023	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ thực hiện theo kế hoạch (%)
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>43.250.625.613</b>	<b>45.190.000.000</b>	<b>95,71</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu hoạt động</b>	<b>42.510.046.856</b>	<b>44.420.000.000</b>	<b>95,70</b>
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	29.148.392.603	13.600.000.000	214,33
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.567.006.383	14.850.000.000	37,49
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	294.285.390	1.100.000.000	26,75
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	1.770.000.000	-
1.5	Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán	909.618.369	3.200.000.000	28,43
1.6	Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-	-	-
1.7	Doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	196.405.581	300.000.000	65,47
1.8	Doanh thu hỗ trợ vấn tài chính	2.425.440.530	5.000.000.000	48,51
1.9	Thu nhập hoạt động khác	3.968.898.000	4.600.000.000	86,28
<b>2</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>560.578.757</b>	<b>300.000.000</b>	<b>186,86</b>
<b>3</b>	<b>Doanh thu khác</b>	<b>180.000.000</b>	<b>470.000.000</b>	<b>38,30</b>
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>41.603.656.487</b>	<b>40.070.000.000</b>	<b>103,83</b>
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	34.334.574.806	30.920.000.000	111,04
2	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	6.727.859.367	8.150.000.000	82,55
3	Chi phí tài chính	(236.277.686)	700.000.000	33,75
4	Chi phí khác	777.500.000	300.000.000	259,17
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1.646.969.126</b>	<b>5.120.000.000</b>	<b>32,17</b>

### Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty chưa được như kỳ vọng.

**Về doanh thu:** Tổng doanh thu đạt hơn 43 tỷ đồng và bằng 95,71% so với kế hoạch đề ra.

**Về chi phí:** Năm 2023, chi phí hoạt động doanh chứng khoán là 34.33 tỷ đồng bằng 111,04% so với kế hoạch. Chi phí quản lý công ty chứng khoán là 6.73 tỷ đồng bằng 82,55% kế hoạch đề ra.

**Lợi nhuận trước thuế:** 1.65 tỷ đồng, Ban lãnh đạo và các cán bộ Công ty đã nỗ lực thực hiện mục tiêu kế hoạch đề ra tuy nhiên do những tác động khó lường của thị trường dẫn tới kết quả kinh doanh chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đề ra.

# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản (Đơn vị: đồng)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		485.040.350.317	486.480.219.448
110	I. Tài sản tài chính		474.061.578.142	475.779.202.152
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.273.903.134	1.858.678.835
111.1	1.1 Tiền		22.273.903.134	1.858.678.835
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	168.163.303.070	162.994.302.570
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	110.100.000.000	99.600.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	-	5.301.288.791
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	73.753.027.112	77.753.027.112
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(7.333.282.098)	(7.418.329.248)
117	7. Các khoản phải thu	7	54.835.068	452.047.451
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	396.625.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		54.835.068	55.422.451
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		54.835.068	55.422.451
118	8. Trả trước cho người bán	8	95.058.795.930	118.364.905.930
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	735.757.157	688.140.767
122	10. Các khoản phải thu khác	7	11.305.238.769	16.235.139.944
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(50.000.000)	(50.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		10.978.772.175	10.701.017.296
131	1. Tạm ứng		22.000.000	12.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	564.080.706	443.877.271
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		576.166.299	443.463.121
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	9.791.025.170	9.791.025.170
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		25.500.000	10.651.734

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		33.558.800.885	33.628.809.642
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		18.781.519.866	18.545.242.180
212	1. Các khoản đầu tư	12	19.750.000.000	19.750.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		19.750.000.000	19.750.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(968.480.134)	(1.204.757.820)
220	II. Tài sản cố định		377.585.341	344.117.175
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	377.585.341	336.471.385
222	- Nguyên giá		8.150.901.164	7.978.501.164
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.773.315.823)	(7.642.029.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	-	7.645.790
228	- Nguyên giá		2.902.299.300	2.902.299.300
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.902.299.300)	(2.894.653.510)
250	V. Tài sản dài hạn khác		14.399.695.678	14.739.450.287
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		259.978.625	259.978.625
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	9.327.923.818	9.802.625.856
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	4.811.793.235	4.676.845.806
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>518.599.151.202</u>	<u>520.109.029.090</u>

# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 2. Tình hình tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.715.583.356</b>	<b>6.872.430.370</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>3.715.583.356</b>	<b>6.872.430.370</b>
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	35.523.391	3.153.114.564
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		885.544.324	976.845.241
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.800.390	127.432.249
323	4. Phải trả người lao động		1.023.523.849	782.489.575
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		12.929.793	76.960.553
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	101.819.524	144.458.603
328	7. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19	60.000.000	60.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.102.210.551	1.102.898.051
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		448.231.534	448.231.534
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>514.883.567.846</b>	<b>513.236.598.720</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>514.883.567.846</b>	<b>513.236.598.720</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.000.000.000	503.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		3.529.962.731	1.882.993.605
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		30.158.910.143	35.863.314.259
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(26.628.947.412)	(33.980.320.654)
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>518.599.151.202</b>	<b>520.109.029.090</b>



# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 2. Tình hình tài chính

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>				
01	1.1 Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		29.148.392.603	19.659.887.528
01.1	a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	1.073.006.858	1.408.588.825
01.2	b. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	24.647.284.345	14.924.236.503
01.3	c. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	3.428.101.400	3.327.062.200
02	1.2 Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	33.c)	5.567.006.383	6.012.993.147
03	1.3 Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	294.285.390	855.331.924
04	0.3 Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)			
06	1.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		909.618.369	1.883.566.053
09	1.5 Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		196.405.581	224.903.028
10	1.6 Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		2.425.440.530	1.469.472.727
11	1.7 Thu nhập hoạt động khác	33.d)	3.968.898.000	4.608.000.000
20	<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>42.510.046.856</b>	<b>34.714.154.407</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>				
21	2.1 Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		30.257.609.003	35.228.776.958
21.1	a. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	12.960.856.998	13.923.150.001
21.2	b. Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	17.296.752.005	21.305.626.957
23	2.2 Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		(85.047.150)	5.000.000.000
24	2.3 Chi phí dự phòng tài sản tài chính và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	(1.218.789.528)
26	2.4 Chi phí hoạt động tự doanh		328.214.847	514.468.338
27	2.5 Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.820.371.652	3.089.986.796
30	2.6 Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		197.109.012	214.499.028
31	2.7 Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		816.317.442	1.037.855.437
40	<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>34.334.574.806</b>	<b>43.866.797.029</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
41	3.1 Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		840.902	725.222
42	3.2 Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		559.737.855	247.822.778
50	<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>560.578.757</b>	<b>248.548.000</b>

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>				
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	79.226
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(236.277.686)	1.204.757.820
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>(236.277.686)</b>	<b>1.204.837.046</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOẢN</b>	36	<b>6.727.859.367</b>	<b>8.506.429.482</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>2.244.469.126</b>	<b>(18.615.361.150)</b>
<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>				
71	8.1 Thu nhập khác	37	180.000.000	270.000.000
72	8.2 Chi phí khác	38	777.500.000	264.831.169
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(597.500.000)</b>	<b>5.168.831</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>1.646.969.126</b>	<b>(18.610.192.319)</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(5.704.404.116)	(12.229.431.560)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		7.351.373.242	(6.380.760.759)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	39	-	-
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>1.646.969.126</b>	<b>(18.610.192.319)</b>
<b>XIII. THU NHẬP THUẬN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>				
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	40	33	(370)

Vũ Thị Yến  
Người lập

Vũ Thị Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

# III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 3. Kế hoạch phát triển trong thời gian tới

### Kế hoạch tài chính năm 2024

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024
<b>I</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>50.100.000.000</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu hoạt động</b>	<b>49.200.000.000</b>
1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	20.600.000.000
1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	13.850.000.000
1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	1.400.000.000
1.4	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	450.000.000
1.5	Doanh thu từ nghiệp vụ môi giới chứng khoán	2.700.000.000
1.6	Doanh thu từ nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	-
1.7	Doanh thu từ nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	500.000.000
1.8	Doanh thu hỗ trợ tư vấn tài chính	5.000.000.000
1.9	Thu nhập hoạt động khác	4.700.000.000
<b>2</b>	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>700.000.000</b>
<b>3</b>	<b>Doanh thu khác</b>	<b>200.000.000</b>
<b>II</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>45.750.000.000</b>
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	36.700.000.000
2	Chi phí quản lý công ty chứng khoán	8.150.000.000
3	Chi phí tài chính	400.000.000
4	Chi phí khác	500.000.000
<b>III</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>4.350.000.000</b>

### Hoạt động Môi giới

Hoạt động Môi giới tập trung nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, phát triển về quy mô. Kết hợp với ngân hàng, tổ chức tài chính cung cấp cho khách hàng các sản phẩm margin, triển khai hội thảo cơ hội đầu tư cho khách hàng, giới thiệu về sản phẩm chứng khoán phái sinh. Mở rộng quy mô hoạt động môi giới, mở rộng mạng lưới cộng tác viên, tạo những chính sách về phí, hoa hồng hấp dẫn thu hút những môi giới có doanh thu khách hàng lớn từ các Công ty Chứng khoán có thị phần môi giới hàng đầu.

### Hoạt động tư vấn tài chính

Tư vấn tài chính tiếp tục được xác định là một trong những mảng dịch vụ quan trọng nhất trong định hướng phát triển kinh doanh của WSS.

Sức hút của thị trường chứng khoán đối với các doanh nghiệp chưa niêm yết hiện tại đang rất lớn. Công ty xác định nhu cầu tư vấn phát hành, niêm yết trong năm 2024 là rất lớn. Dịch vụ tư vấn tài chính sắp tới sẽ nở rộ là cơ hội tốt cho WSS phát triển mảng dịch vụ này.

### Hoạt động đầu tư

Trong năm 2024 Công ty tiếp tục giữ vững định hướng đầu tư như năm 2023 với chiến lược đầu tư của công ty hướng đến các doanh nghiệp nhà nước tiến hành cổ phần hóa và mở rộng tới các doanh nghiệp dân doanh có kết quả kinh doanh và tiềm năng phát triển lớn. Dựa trên các phân tích đánh giá về thị trường, về bản thân doanh nghiệp, WSS sẽ có thể tham gia với tư cách là các cổ đông lớn, nắm quyền chi phối.



# IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 1. Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty.

### VỀ THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 diễn biến phức tạp và chịu áp lực lớn từ biến động của thị trường quốc tế trước xu hướng thắt chặt chính sách tiền tệ từ các nước lớn nhằm kiềm chế lạm phát và nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu.

Bên cạnh những động thái quyết liệt trong việc siết chặt kỷ cương trên TTCK, năm 2023 còn ghi nhận nhiều thay đổi mang tính bước ngoặt nhằm nâng cao tính minh bạch về thông tin, hỗ trợ tối đa cho hoạt động đầu tư trở nên lành mạnh hơn.

Dự báo năm 2024 tiếp tục là một năm khó khăn đối với thị trường chứng khoán, sự biến động quá lớn khiến tâm lý thận trọng bao trùm các nhà đầu tư. Tuy nhiên sự vào cuộc mạnh mẽ của các cơ quan chức năng nhằm làm trong sạch thị trường, cộng với nội tại nền kinh tế có sự tăng trưởng tích cực là điểm sáng cho thị trường chứng khoán năm 2023.

WSS cũng theo nhịp hồi phục của thị trường đã có những chính sách phù hợp để gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu xã hội.

### VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty: Các chỉ tiêu kinh doanh chưa đáp ứng chỉ tiêu mà HĐQT đã đề ra.

Tổng doanh thu của Công ty năm 2023 đạt 43,25 tỷ đồng tăng 22,7% so với năm 2022 và bằng 95,71% so với kế hoạch đề ra (theo kế hoạch tổng doanh thu của Công ty đạt 45 tỷ đồng). Trong đó Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán là 0.91 tỷ đạt 28,43% kế hoạch; Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là 2.43 tỷ chỉ đạt 48.51% so với kế hoạch. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán là 34.33 tỷ đồng bằng 111.04% so với kế hoạch; Chi phí quản lý công ty chứng khoán là 6.73 tỷ đồng bằng 82,55% so với kế hoạch; Lợi nhuận kế toán trước thuế 1.65 tỷ.

Trong năm Ban lãnh đạo và các cán bộ trong công ty đã nỗ lực thực hiện mục tiêu kế hoạch đặt ra, tuy nhiên trong bối cảnh thị trường rất khó khăn, nhiều yếu tố khó lường, lực lượng phát triển kinh doanh còn mỏng, chính sách, chiến lược kinh doanh chưa linh hoạt đa dạng là nguyên nhân dẫn tới kết quả hoạt động của Công ty chưa đạt kỳ vọng và kế hoạch đặt ra.

# IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị thực hiện giám sát Tổng Giám đốc, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc hàng ngày của Công ty.

- Triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, HĐQT thường xuyên theo dõi diễn biến của nền kinh tế trong và ngoài nước, biến động của thị trường, để từ đó có sự chỉ đạo kịp thời hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Chủ tịch HĐQT thường xuyên làm việc tại Công ty. Hàng tuần, hàng tháng
- Chủ tịch HĐQT họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc và dự họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc với các cấp quản lý nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình và chỉ đạo các hoạt động của Công ty.
- Định kỳ, HĐQT yêu cầu Ban Tổng giám đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, những thuận lợi và khó khăn phát sinh trong công tác điều hành. Trên cơ sở các báo cáo và tình hình thực tế nắm được, HĐQT tổ chức cuộc họp xem xét, đánh giá kết quả điều hành trong kỳ và yêu cầu triển khai công việc mới theo Nghị quyết ĐHCĐ đề ra.

### KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trong năm Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình, công bố thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ, minh bạch. Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ các yêu cầu về trình và xin ý kiến các nội dung thẩm quyền phê duyệt của HĐQT tại các cuộc họp HĐQT.

Các hoạt động kinh doanh, nghiệp vụ hàng ngày được tuân thủ theo quy trình tác nghiệp và quản lý, tất cả các hoạt động kinh doanh của công ty đều đảm bảo tuân thủ theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý của CTCP Chứng khoán phổ Wall đã thể hiện trách nhiệm cao trong việc điều hành, đã chủ động các phương án thực hiện; tuy đối mặt với diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính của Công ty đều thuận lợi, đạt được Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính và Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán.

## IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 3. Các định hướng của Hội đồng quản trị

Công ty sẽ tiếp tục củng cố lại hoạt động môi giới thông qua việc đầu tư cả về công nghệ, nhân sự và dịch vụ hỗ trợ. Về kế hoạch phát triển dài hạn, Công ty sẽ tiếp tục theo đuổi kế hoạch thu hút nhân sự có năng lực phát triển khách hàng, tạo điều kiện hỗ trợ tối đa cho khách hàng mở tài khoản và thực hiện giao dịch. Đồng thời, Công ty cũng thận trọng và tăng cường các biện pháp quản trị rủi ro liên quan đến hoạt động giao dịch, dịch vụ tài chính nhằm hạn chế tối đa tổn thất

- Đối với hoạt động đầu tư: kim chỉ nam cho hoạt động này vẫn là sự thận trọng và hiệu quả nhằm bảo toàn vốn và tận dụng các cơ hội sinh lời. Công ty chỉ tham gia đầu tư quy mô lớn khi có cơ hội rõ ràng và được thẩm định kỹ lưỡng.
- Về mảng dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp, Ban lãnh đạo và các cán bộ Khối tư vấn tiếp tục tận dụng thế mạnh về năng lực tư vấn và tăng cường hoạt động mở rộng mạng lưới khách hàng. Khối Tư vấn sẽ tập trung khai thác cơ hội từ các Tập đoàn, Tổng công ty, các Bộ ban ngành và đặc biệt là các doanh nghiệp tư nhân cũng như các khách hàng nước ngoài để hoạt động tư vấn tiếp tục là mũi nhọn và mang lại nguồn thu bền vững cho công ty.
- Đối với khách hàng và đối tác nước ngoài: Công ty tiếp tục tăng cường và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính trong và ngoài nước để khai thác hiệu quả nguồn vốn đáp ứng nhu cầu đầu tư. Thông qua đó, tạo tiền đề để phát triển mảng khách hàng nước ngoài đến mở tài khoản tại WSS và đầu tư trên TTCK Việt Nam.
- Theo dõi sát tình hình vĩ mô, biến động của nền kinh tế
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro các mặt hoạt động của Công ty

# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

## 1. Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Chức vụ quản lý điều hành tại WSS
1	Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	11.300.000 (22,47%)	Chủ tịch
2	Ông Phạm Đức Long	Phó Chủ tịch	100 (0,0002%)	Phó Chủ tịch
3	Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên	10.000 (0,02%)	Ủy viên
4	Ông Nguyễn Đăng Trường	Ủy viên	0	Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Viết Thắng	Ủy viên	0	Phó Tổng Giám đốc

### Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên không nắm giữ một vị trí điều hành nào trong Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không có quyền lợi sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp đối với Công ty; không là người quản lý, nhân viên hoặc các bên liên quan của Công ty.

### Các Tiểu ban của Hội đồng quản trị: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: **Không có**

Năm 2023, HĐQT của Công ty đã tổ chức **08 cuộc họp, thông qua 10 Nghị quyết/ Quyết định** và có các chỉ đạo kịp thời với các nội dung chính sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Số 03/QĐ-HĐQT	07/02/2023	Giao địa bàn phát triển kinh doanh cho cán bộ phụ trách
	Số 04/QĐ-HĐQT	07/02/2023	Giao địa bàn phát triển kinh doanh cho cán bộ phụ trách
	Số 05/QĐ-HĐQT	07/02/2023	Giao địa bàn phát triển kinh doanh cho cán bộ phụ trách
2	Số 02A/QĐ-HĐQT	01/03/2023	Thay đổi logo Công ty
3	06/2023/NQ-HĐQT	14/03/2023	Thông qua việc tổ chức ĐHCĐ 2023
4	Số 07/2023/NQ-HĐQT	06/04/2023	Thông qua thời gian, địa điểm, các nội dung lấy ý kiến ĐHCĐ 2023
5	07A/2023/WSS/QĐ-HĐQT	10/05/2023	Cơ cấu danh mục đầu tư
6	08/2023/QĐ-HĐQT	05/06/2023	Thông qua cung cấp dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán
7	09/2023/QĐ-HĐQT	10/08/2023	Thống nhất việc cải tạo văn phòng tại Tầng 9 và cho thuê một phần văn phòng
8	10/2023/QĐ-HĐQT	20/12/2023	Thống nhất kế hoạch kinh doanh năm 2024

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 2. Ban kiểm soát.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ
1	Trần Đình Tùng	Trưởng ban
2	Trịnh Công Thắng	Ủy viên
3	Đoàn Văn Hưng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

#### Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật được quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019, Luật Kế toán 2015 và các văn bản pháp quy khác có liên quan; giám sát việc chấp hành Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2023 của Công ty, cụ thể là:
  - Xem xét tính phù hợp của các Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc về quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty; Kiểm soát nội dung, trình tự, thủ tục ban hành các văn bản quy định về công tác quản trị doanh nghiệp;
  - Kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và thực hiện các Quy trình nghiệp vụ trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện những rủi ro hoặc những thiếu sót, và kiến nghị các giải pháp khắc phục;
  - Kiểm tra giám sát Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội cổ đông;
  - Kiểm tra, giám sát các Báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến Báo cáo tài chính; Giám sát ban lãnh đạo công ty thực thi những kiến nghị do Kiểm toán đưa ra;
- Giám sát việc thực thi pháp luật của Công ty.

#### Thù lao, lương của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành Công ty

Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 đã nhất trí thông qua mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành là 1,2 tỷ đồng.

#### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

#### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

#### Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty.

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị công ty, và thực hiện báo cáo kịp thời cũng như công bố thông tin định kỳ về tình hình quản trị công ty hàng quý, bán niên, và hàng năm đến các nhà đầu tư.

## VI. BCTC kiểm toán

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023  
(đã được kiểm toán)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

### NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-46
Báo cáo tình hình tài chính	06-10
Báo cáo kết quả hoạt động	11-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-46

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(đã được kiểm toán)



## **NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-46
Báo cáo tình hình tài chính	06-10
Báo cáo kết quả hoạt động	11-12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13-14
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	15
Thuyết minh Báo cáo tài chính	16-46

100  
C  
TRAC  
HAI  
02



## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2017 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch	
Ông Phạm Đức Long	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đăng Trường	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Nguyễn Văn Thư	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đăng Trường	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán bao gồm:

Ông Trần Đình Tùng	Trưởng ban	
Ông Trịnh Công Thắng	Ủy viên	
Ông Đoàn Văn Hưng	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Nguyễn Đăng Trường**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được lập ngày 08 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Công ty đã vi phạm các quy định hiện hành của pháp luật trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán gồm: Không thực hiện quản lý tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của Công ty chứng khoán; Thực hiện dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán khi chưa được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản; Công bố thông tin không đầy đủ về bên liên quan và các nội dung khác. Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các nội dung trên theo Quyết định số 623/QĐ-XPHC ngày 24/07/2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

## Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Cát Thị Hà**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**Đoàn Thị Thúy**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0937-2023-002-1



## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>485.040.350.317</b>	<b>486.480.219.448</b>
110	<b>I. Tài sản tài chính</b>		<b>474.061.578.142</b>	<b>475.779.202.152</b>
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	22.273.903.134	1.858.678.835
111.1	1.1 Tiền		22.273.903.134	1.858.678.835
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	168.163.303.070	162.994.302.570
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	110.100.000.000	99.600.000.000
114	4. Các khoản cho vay	5	-	5.301.288.791
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	5	73.753.027.112	77.753.027.112
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(7.333.282.098)	(7.418.329.248)
117	7. Các khoản phải thu	7	54.835.068	452.047.451
117.1	7.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	396.625.000
117.2	7.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		54.835.068	55.422.451
117.4	7.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		54.835.068	55.422.451
118	8. Trả trước cho người bán	8	95.058.795.930	118.364.905.930
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	735.757.157	688.140.767
122	10. Các khoản phải thu khác	7	11.305.238.769	16.235.139.944
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	9	(50.000.000)	(50.000.000)
130	<b>II. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>10.978.772.175</b>	<b>10.701.017.296</b>
131	1. Tạm ứng		22.000.000	12.000.000
133	2. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	564.080.706	443.877.271
135	3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		576.166.299	443.463.121
136	4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	9.791.025.170	9.791.025.170
137	5. Tài sản ngắn hạn khác		25.500.000	10.651.734

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>33.558.800.885</b>	<b>33.628.809.642</b>
210	<b>I. Tài sản tài chính dài hạn</b>		<b>18.781.519.866</b>	<b>18.545.242.180</b>
212	1. Các khoản đầu tư	12	19.750.000.000	19.750.000.000
212.4	1.1 Đầu tư dài hạn khác		19.750.000.000	19.750.000.000
213	1.2 Dự phòng suy giảm tài sản tài chính dài hạn		(968.480.134)	(1.204.757.820)
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>377.585.341</b>	<b>344.117.175</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	377.585.341	336.471.385
222	- Nguyên giá		8.150.901.164	7.978.501.164
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.773.315.823)	(7.642.029.779)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	-	7.645.790
228	- Nguyên giá		2.902.299.300	2.902.299.300
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.902.299.300)	(2.894.653.510)
250	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.399.695.678</b>	<b>14.739.450.287</b>
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		259.978.625	259.978.625
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	10	9.327.923.818	9.802.625.856
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	4.811.793.235	4.676.845.806
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>518.599.151.202</b>	<b>520.109.029.090</b>

## BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.715.583.356</b>	<b>6.872.430.370</b>
310	<b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>		<b>3.715.583.356</b>	<b>6.872.430.370</b>
320	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	35.523.391	3.153.114.564
321	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		885.544.324	976.845.241
322	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	45.800.390	127.432.249
323	4. Phải trả người lao động		1.023.523.849	782.489.575
324	5. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		12.929.793	76.960.553
325	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	101.819.524	144.458.603
328	7. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19	60.000.000	60.000.000
329	8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	1.102.210.551	1.102.898.051
331	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		448.231.534	448.231.534
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>514.883.567.846</b>	<b>513.236.598.720</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	23	<b>514.883.567.846</b>	<b>513.236.598.720</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.000.000.000	503.000.000.000
415	2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115
417	3. Lợi nhuận chưa phân phối		3.529.962.731	1.882.993.605
417.1	3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		30.158.910.143	35.863.314.259
417.2	3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(26.628.947.412)	(33.980.320.654)
440	<b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>518.599.151.202</b>	<b>520.109.029.090</b>



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
	<b>A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>			
005	1. Ngoại tệ các loại	24	1163,66	1163,64
006	2. Cổ phiếu đang lưu hành		50.300.000	50.300.000
008	3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	66.190.550.000	69.028.580.000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	26	39.300.460.000	39.400.460.000
	<b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>			
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	27	548.475.430.000	608.574.350.000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		545.136.070.000	602.226.190.000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		-	2.688.000.000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		2.050.000.000	2.050.000.000
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		1.289.360.000	1.610.160.000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28	542.720.000	183.860.000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		542.720.000	183.860.000



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
026	3. Tiền gửi của khách hàng	29	12.226.821.021	13.982.749.982
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		12.225.564.918	13.981.493.844
030	3.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		1.256.103	1.256.138
031	4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	12.225.564.918	13.981.493.844
031.1	4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		11.976.140.553	13.629.585.175
031.2	4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		249.424.365	351.908.669
035	5. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	1.256.103	1.256.138

Vũ Thị Yến  
Người lập

Vũ Thị Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022	
			VND	VND	
<b>I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG</b>					
01	1.1	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	29.148.392.603	19.659.887.528	
01.1	a.	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	1.073.006.858	1.408.588.825
01.2	b.	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các TSTC FVTPL	33.b)	24.647.284.345	14.924.236.503
01.3	c.	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	33.c)	3.428.101.400	3.327.062.200
02	1.2	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	33.c)	5.567.006.383	6.012.993.147
03	1.3	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	33.c)	294.285.390	855.331.924
04	0.3	Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)		-	-
06	1.4	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		909.618.369	1.883.566.053
09	1.5	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		196.405.581	224.903.028
10	1.6	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		2.425.440.530	1.469.472.727
11	1.7	Thu nhập hoạt động khác	33.d)	3.968.898.000	4.608.000.000
20		<b>Cộng doanh thu hoạt động</b>		<b>42.510.046.856</b>	<b>34.714.154.407</b>
<b>II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>					
21	2.1	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		30.257.609.003	35.228.776.958
21.1	a.	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	33.a)	12.960.856.998	13.923.150.001
21.2	b.	Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	33.b)	17.296.752.005	21.305.626.957
23	2.2	Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) khi phân loại lại		(85.047.150)	5.000.000.000
24	2.3	Chi phí dự phòng tài sản tài chính và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay		-	(1.218.789.528)
26	2.4	Chi phí hoạt động tự doanh		328.214.847	514.468.338
27	2.5	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		2.820.371.652	3.089.986.796
30	2.6	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		197.109.012	214.499.028
31	2.7	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		816.317.442	1.037.855.437
40		<b>Cộng chi phí hoạt động</b>		<b>34.334.574.806</b>	<b>43.866.797.029</b>
<b>III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		<b>34</b>			
41	3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		840.902	725.222
42	3.2	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		559.737.855	247.822.778
50		<b>Cộng doanh thu hoạt động tài chính</b>		<b>560.578.757</b>	<b>248.548.000</b>

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>	<b>35</b>		
51	4.1 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	79.226
54	4.2 Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn		(236.277.686)	1.204.757.820
60	<b>Cộng chi phí tài chính</b>		<b>(236.277.686)</b>	<b>1.204.837.046</b>
62	<b>VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN</b>	<b>36</b>	<b>6.727.859.367</b>	<b>8.506.429.482</b>
70	<b>VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>		<b>2.244.469.126</b>	<b>(18.615.361.150)</b>
	<b>VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>			
71	8.1 Thu nhập khác	37	180.000.000	270.000.000
72	8.2 Chi phí khác	38	777.500.000	264.831.169
80	<b>Cộng kết quả hoạt động khác</b>		<b>(597.500.000)</b>	<b>5.168.831</b>
90	<b>IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>1.646.969.126</b>	<b>(18.610.192.319)</b>
91	9.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(5.704.404.116)	(12.229.431.560)
92	9.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		7.351.373.242	(6.380.760.759)
100	<b>X. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>	<b>39</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
200	<b>XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>1.646.969.126</b>	<b>(18.610.192.319)</b>
500	<b>XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG</b>			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	40	33	(370)



Vũ Thị Yến  
Người lập



Vũ Thị Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
01	1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính		(412.097.891.781)	(379.392.641.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính		394.158.381.357	332.992.017.100
03	3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán		-	(130.629.616)
04	4. Cổ tức đã nhận		3.428.101.435	23.304.007
05	5. Tiền lãi đã thu		5.427.036.706	13.067.531.425
08	6. Tiền chi trả cho người lao động		(4.561.195.108)	(7.408.091.761)
09	7. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động công ty chứng khoán		(479.526.588)	(797.924.859)
11	8. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		164.474.029.589	74.683.208.119
12	9. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(129.933.711.311)	(50.849.233.448)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>20.415.224.299</b>	<b>(17.812.460.033)</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		-	(151.000.000)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>(151.000.000)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
50	<b>IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>20.415.224.299</b>	<b>(17.963.460.033)</b>
60	<b>V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>1.858.678.835</b>	<b>19.822.138.868</b>
61	Tiền		1.858.678.835	19.822.138.868
70	<b>VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>		<b>22.273.903.134</b>	<b>1.858.678.835</b>
71	Tiền		22.273.062.232	1.858.049.140
73	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		840.902	629.695

## PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	<b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		247.619.981.190	614.630.284.310
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(210.202.768.910)	(563.662.935.190)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(39.037.485.218)	(57.708.333.153)
09	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(135.655.988)	(160.400.808)
12	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		8.256.207.608	10.960.163.537
13	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(8.256.207.643)	(10.965.947.344)
20	<b>Tăng/giảm tiền thuần trong năm</b>		<b>(1.755.928.961)</b>	<b>(6.907.168.648)</b>
30	<b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng</b>		<b>13.982.749.982</b>	<b>20.889.918.630</b>
31	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:		13.982.749.982	20.889.918.630
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		13.981.493.844	20.878.298.685
33	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		-	4.580.000
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.256.138	7.039.945
40	<b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng</b>	29	<b>12.226.821.021</b>	<b>13.982.749.982</b>
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		12.226.821.021	13.982.749.982
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		12.225.564.918	13.981.493.844
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		1.256.103	1.256.138



Vũ Thị Yên  
Người lập



Vũ Thị Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm			
		01/01/2022		01/01/2023		Năm 2022		Năm 2023	
		VND	VND	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		503.000.000.000	503.000.000.000	-	-	-	-	503.000.000.000	503.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		503.000.000.000	503.000.000.000	-	-	-	-	503.000.000.000	503.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		8.353.605.115	8.353.605.115	-	-	-	-	8.353.605.115	8.353.605.115
3. Lợi nhuận chưa phân phối		20.493.185.924	1.882.993.605	(18.610.192.319)	-	1.646.969.126	-	1.882.993.605	3.529.962.731
3.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		48.092.745.819	35.863.314.259	(12.229.431.560)	-	(5.704.404.116)	-	35.863.314.259	30.158.910.143
3.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		(27.599.559.895)	(33.980.320.654)	(6.380.760.759)	-	7.351.373.242	-	(33.980.320.654)	(26.628.947.412)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>531.846.791.039</b>	<b>513.236.598.720</b>	<b>(18.610.192.319)</b>	<b>-</b>	<b>1.646.969.126</b>	<b>-</b>	<b>513.236.598.720</b>	<b>514.883.567.846</b>



*(Handwritten signature)*

Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Vũ Thị Yến  
Kế toán trưởng

Vũ Thị Yến  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2023

### 1 . THÔNG TIN CHUNG

#### 1.1 . Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 86/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh số 18/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 05 năm 2017 do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Trụ sở của Công ty tại: Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 503.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 503.000.000.000 VND; tương đương 50.300.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 31 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 28 người).

Cổ phiếu của Công ty chính thức đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) từ ngày 30 tháng 01 năm 2008 với mã giao dịch là WSS.

#### 1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán; Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho các Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210. Các Thông tư này đưa ra các quy định liên quan đến chứng từ kế toán, hệ thống tài khoản kế toán cũng như phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty chứng khoán.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**2.3 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

**2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

*a) Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*b) Nguyên tắc phân loại*

**Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL):** tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

**Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM):** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);



- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

**Các khoản cho vay:** là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

**Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS):** là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

**Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ:** là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

**Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:** là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trong trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính đã được quy định tại Điều lệ hoặc Sổ tay định giá của Công ty hoặc sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.



- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán làm cơ sở để đánh giá lại là mức giá thu thập được từ các nguồn thông tin tham chiếu mà Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng mức giá này thể hiện giá thị trường của các chứng khoán này.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

## 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ đối với các khoản đầu tư dài hạn khác: Căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ. Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư số 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.



**2.6 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

**2.7 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn**

**Phải thu bán các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

**Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính:** phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

**Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp:** phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:** được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

**2.8 . Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch	03 năm



## **2.9 . Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Các chi phí về hợp đồng tư vấn được phân bổ vào chi phí phù hợp với doanh thu hợp đồng tư vấn trong năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê văn phòng tại toà nhà Icon 4 Tower được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 374 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 12 đến 36 tháng.

## **2.11 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán:** phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

**Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán:** phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

## **2.12 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## **2.13 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.



Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm 2023 trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm 2023 trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong năm. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC để bãi bỏ Thông tư số 146/2015/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: Sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định hiện hành.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

#### **2.14 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động.

#### **2.15 . Doanh thu, thu nhập**

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

#### **2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty**

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

#### **2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính**

##### *Doanh thu tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;

##### *Chi phí hoạt động tài chính bao gồm*

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn;

#### **2.18 . Các khoản thuế**

##### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

##### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập tính thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### **2.19 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

## 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

## 3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<u>Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u>	<u>Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm</u> VND
<b>Của Công ty Chứng khoán</b>	<b>5.176.509</b>	<b>116.678.831.700</b>
- Cổ phiếu	5.176.509	116.678.831.700
<b>Của nhà đầu tư</b>	<b>30.872.129</b>	<b>455.125.307.700</b>
- Cổ phiếu	30.872.129	455.125.307.700
	<u><b>36.048.638</b></u>	<u><b>571.804.139.400</b></u>

## 4 . TIỀN

	<u>31/12/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Tiền mặt tại quỹ	18.039.158.479	191.042.651
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	4.234.744.655	1.667.636.184
	<u><b>22.273.903.134</b></u>	<u><b>1.858.678.835</b></u>



**5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**

**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	20.491.975.811	19.374.418.070	31.312.720.040	27.162.916.770
Cổ phiếu chưa niêm yết	174.302.012.852	148.788.825.600	165.662.800.463	135.831.326.400
Cổ phiếu hủy niêm yết	513.000	59.400	513.000	59.400
	<b>194.794.501.663</b>	<b>168.163.303.070</b>	<b>196.976.033.503</b>	<b>162.994.302.570</b>

**b) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu chưa niêm yết	73.753.027.112	66.419.745.014	77.753.027.112	70.334.697.864
	<b>73.753.027.112</b>	<b>66.419.745.014</b>	<b>77.753.027.112</b>	<b>70.334.697.864</b>

**c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	110.100.000.000	99.600.000.000
	<b>110.100.000.000</b>	<b>99.600.000.000</b>

(\*) Tại 31/12/2023, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 06 tháng, được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á - Chi nhánh Hàng Đậu với lãi suất từ 4,75%/năm đến 7,6%/năm.

**d) Các khoản cho vay**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Hoạt động margin	-	336.256.356
Hoạt động ứng trước tiền bán	-	4.965.032.435
	<b>-</b>	<b>5.301.288.791</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

Báo cáo tài chính  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>FVTPL</b>	<b>194.794.501.663</b>	<b>196.976.033.503</b>	<b>168.163.303.070</b>	<b>162.994.302.570</b>	<b>2.293.119.508</b>	<b>3.058.717.438</b>	<b>(28.924.318.101)</b>	<b>(37.040.448.371)</b>	<b>168.163.303.070</b>	<b>162.994.302.570</b>
Cổ phiếu niêm yết	20.491.975.811	31.312.720.040	19.374.418.070	27.162.916.770	707.471.683	87.926.526	(1.825.029.424)	(4.237.729.796)	19.374.418.070	27.162.916.770
- Sàn Hà Nội	16.584.412.203	17.306.480.000	15.521.100.000	16.187.790.000	-	-	(1.063.312.203)	(1.118.690.000)	15.521.100.000	16.187.790.000
- DDG	-	16.985.000.000	-	15.879.000.000	-	-	-	(1.106.000.000)	-	15.879.000.000
- EID	16.584.412.203	321.480.000	15.521.100.000	308.790.000	-	-	(1.063.312.203)	(12.690.000)	15.521.100.000	308.790.000
- Sàn Hồ Chí Minh	3.907.563.608	14.006.240.040	3.853.318.070	10.975.126.770	707.471.683	87.926.526	(761.717.221)	(3.119.039.796)	3.853.318.070	10.975.126.770
- EVF	711.401.398	8.548.733.525	1.026.800.000	6.539.564.000	315.398.602	-	-	(2.009.169.525)	1.026.800.000	6.539.564.000
- HAI	88.152	88.152	12.640	12.640	-	-	(75.512)	(75.512)	12.640	12.640
- HDB	806.307.793	1.523.025.833	1.050.525.000	1.355.750.000	244.217.207	-	-	(167.275.833)	1.050.525.000	1.355.750.000
- KHP	1.394.000.000	1.394.000.000	657.947.500	544.582.500	-	-	(736.052.500)	(849.417.500)	657.947.500	544.582.500
- LPB	57.501.057	1.564.405.105	85.034.250	1.593.628.100	27.533.193	29.222.995	-	-	85.034.250	1.593.628.100
- QBS	201.504.209	345.626.426	175.915.000	252.525.000	-	-	(25.589.209)	(93.101.426)	175.915.000	252.525.000
- SAM	736.760.999	630.360.999	857.083.680	689.064.530	120.322.681	58.703.531	-	-	857.083.680	689.064.530
Cổ phiếu huy niêm yết	513.000	513.000	59.400	59.400	-	-	(453.600)	(453.600)	59.400	59.400
- CIC	513.000	513.000	59.400	59.400	-	-	(453.600)	(453.600)	59.400	59.400
Cổ phiếu chưa niêm yết	174.302.012.852	165.662.800.463	148.788.825.600	135.831.326.400	1.585.647.825	2.970.790.912	(27.098.835.077)	(32.802.264.975)	148.788.825.600	135.831.326.400
- Sàn Upcom	174.302.012.852	165.662.800.463	148.788.825.600	135.831.326.400	1.585.647.825	2.970.790.912	(27.098.835.077)	(32.802.264.975)	148.788.825.600	135.831.326.400
- DIC	-	85.411	-	14.400	-	-	-	(71.011)	-	14.400
- HAF (*)	86.375.585.989	89.837.688.189	72.550.400.000	58.796.520.000	-	-	(13.825.185.989)	(31.041.168.189)	72.550.400.000	58.796.520.000
- ILS	26.508.169.088	25.974.769.088	13.234.520.000	28.927.560.000	-	2.952.790.912	(13.273.649.088)	-	13.234.520.000	28.927.560.000
- MGG (*)	61.418.257.775	49.418.257.775	63.003.905.600	47.657.232.000	1.585.647.825	-	-	(1.761.025.775)	63.003.905.600	47.657.232.000
- SBS	-	432.000.000	-	450.000.000	-	18.000.000	-	-	-	450.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

e) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
AFS	73.753.027.112	77.753.027.112	66.419.745.014	70.334.697.864	-	-	(7.333.282.098)	(7.418.329.248)	66.419.745.014	70.334.697.864
Cổ phiếu chưa niêm yết	73.753.027.112	77.753.027.112	66.419.745.014	70.334.697.864	-	-	(7.333.282.098)	(7.418.329.248)	66.419.745.014	70.334.697.864
- Công ty Cổ phần Điện máy	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
- Công ty Cổ phần Khu Nghi Dưỡng & Sân Golf Đầm Vạc (1)	32.253.027.112	32.253.027.112	25.995.497.380	25.885.824.504	-	-	(6.257.529.732)	(6.367.202.608)	25.995.497.380	25.885.824.504
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Chiến Công (1)	25.000.000.000	25.000.000.000	23.924.247.634	23.948.873.360	-	-	(1.075.752.366)	(1.051.126.640)	23.924.247.634	23.948.873.360
- Công ty Cổ phần Hatas Việt Nam (*)	13.500.000.000	17.500.000.000	13.500.000.000	17.500.000.000	-	-	-	-	13.500.000.000	17.500.000.000
	<b>268.547.528.775</b>	<b>274.729.060.615</b>	<b>234.583.048.084</b>	<b>233.329.000.434</b>	<b>2.293.119.508</b>	<b>3.058.717.438</b>	<b>(36.257.600.199)</b>	<b>(44.458.777.619)</b>	<b>234.583.048.084</b>	<b>233.329.000.434</b>

**Ghi chú:**

(1) Các khoản đầu tư Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 và Thông tư 24/2022/TT-BTC ngày 07/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Theo đó, giá trị thị trường của các khoản đầu tư này được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và dự phòng đã trích lập.

Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2023. Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày 31/12/2023. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Giá trị thị trường của cổ phiếu chưa niêm yết được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư tại thời điểm 31/12/2023.

(\*) Khoản đầu tư vào bên liên quan (Mối quan hệ với bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh số 44)

Ngày 06/03/2024, Công ty đã thực hiện bán 650.000 cổ phiếu chưa niêm yết của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (HAF) và 290.000 cổ phiếu chưa niêm yết của Tổng Công ty Đức Giang - CTCP (MGG), đồng thời đã công bố thông tin báo cáo kết quả giao dịch của người có nội bộ và người có liên quan.



15/1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 14 15 16 17 18 19 20 21 22 23 24 25 26 27 28 29 30 31



**6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán	7.333.282.098	7.418.329.248
<b>Tại ngày 31/12</b>	<b>7.333.282.098</b>	<b>7.418.329.248</b>

**7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	396.625.000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	54.835.068	43.187.671
Phải thu lãi hoạt động Margin	-	2.304.716
Phải thu lãi hoạt động ứng trước tiền bán	-	9.930.064
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	735.757.157	688.140.767
- Phải thu về hoạt động môi giới chứng khoán	7.499.618	20.632.821
- Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	102.000.000	102.000.000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	626.257.539	565.507.946
Phải thu khác	11.305.238.769	16.235.139.944
- Phải thu Ông Đặng Quốc Thắng <sup>(1)</sup>	-	8.900.000.000
- Phải thu Công ty Cổ phần An Sinh <sup>(2)</sup>	11.303.298.000	7.334.400.000
- Phải thu khác	1.940.769	739.944
	<b>12.095.830.994</b>	<b>17.375.328.162</b>

(1) Tại ngày 31/12/2022, Công ty chuyển tiền đặt cọc mua cổ phiếu OTC cho Ông Đặng Quốc Thắng. Tuy nhiên do không thống nhất được giá mua nên hai bên đã thanh lý hợp đồng, Công ty đã thu hồi lại toàn bộ tiền đã đặt cọc bằng tiền gửi ngân hàng trong tháng 01 năm 2023.

(2) Phải thu Công ty Cổ phần An Sinh tiền lãi chậm bàn giao liên quan đến khoản ứng trước để đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê văn phòng số 02/AS-HĐVP ngày 02/03/2021. Công ty đã thu được bằng tiền trong tháng 01 năm 2024. (Chi tiết tại Thuyết minh số 08).

**8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	31/12/2023
	VND	VND
Ứng trước cho Công ty Cổ phần An Sinh <sup>(*)</sup>	95.000.000.000	118.308.000.000
Các khoản ứng trước khác	58.795.930	56.905.930
	<b>95.058.795.930</b>	<b>118.364.905.930</b>

(\*) Đây là khoản tiền ứng trước cho Công ty Cổ phần An Sinh để đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê văn phòng số 02/AS-HĐVP ngày 02/03/2021, địa điểm thuê ở Toà nhà Dịch vụ Thương mại và Văn phòng tại số 434 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Diện tích đi thuê là 3.000 m<sup>2</sup>, mặt bằng này sẽ được sử dụng làm văn phòng làm việc của Công ty, được thuê trong vòng 40 năm kể từ ngày 02/03/2021. Tổng số tiền thuê dự kiến là 180 tỷ VND, và theo điều khoản của hợp đồng, khoản tiền ứng trước này sẽ được khấu trừ vào tiền thuê nhà.

Theo Phụ lục hợp đồng thuê văn phòng số 02/AS-HĐVP ngày 01/06/2021, gia hạn Hợp đồng thuê cho đến khi Tòa nhà Dịch vụ Thương mại và Văn phòng tại số 434 Trần Khát Chân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội được hoàn thành, bàn giao. Đồng thời, trong thời gian chậm bàn giao, Công ty Cổ phần An Sinh phải trả cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall tiền lãi chậm bàn giao là 0,01%/ngày tính từ ngày 01/06/2021 đến ngày bàn giao mặt bằng cho thuê.

Đến ngày 31/12/2023, hai Bên đã nhiều lần làm việc nhưng Công ty Cổ phần An Sinh vẫn chưa thực hiện bàn giao văn phòng cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall. Ngày 01/02/2024, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall đã có Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 01/02/2024 về việc thanh lý hợp đồng thuê văn phòng nêu trên và thu hồi toàn bộ số tiền đặt cọc. Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall và Công ty Cổ phần An Sinh đã tiến hành thanh lý hợp đồng. Đến hết tháng 02 năm 2024, Công ty Cổ phần An Sinh đã hoàn trả một phần tiền ứng trước bằng tiền gửi ngân hàng, số tiền 75,6 tỷ VND.

## 9 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tại ngày 01/01	50.000.000	50.000.000
Tại ngày 31/12	<b>50.000.000</b>	<b>50.000.000</b>

## 10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

### a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí dở dang của các hợp đồng tư vấn	443.879.956	431.449.955
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	120.200.750	12.427.316
	<b>564.080.706</b>	<b>443.877.271</b>

### b) Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền thuê nhà tại tòa nhà ICON 4 trả trước (*)	9.163.636.336	9.625.668.424
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	164.287.482	176.957.432
	<b>9.327.923.818</b>	<b>9.802.625.856</b>

(\*) Chi phí thuê 720 m<sup>2</sup> tầng 7 và tầng 9 tòa nhà Icon 4, số 243 Đê La Thành, Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4. Thời hạn thuê từ ngày 01/09/2012 đến ngày 15/10/2043.

Theo hợp đồng thuê giữa hai bên, sau ngày 15/10/2043, khi giấy phép giao sử dụng đất hết hạn, nếu không có quyết định thu hồi đất của Nhà nước, Bên cho thuê được Nhà nước tiếp tục gia hạn thuê đất tiếp sau ngày 15/10/2043 hoặc được giao đất, hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ được tiếp tục thuê diện tích tòa nhà mà không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào khác. Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall sẽ là đồng chủ sở hữu với chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4 và chỉ phải trả tiền thuê đất hàng năm cho Nhà nước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

## 11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.791.025.170	9.791.025.170
	<b>9.791.025.170</b>	<b>9.791.025.170</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**  
Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>19.750.000.000</b>	<b>(968.480.134)</b>	<b>19.750.000.000</b>	<b>(1.204.757.820)</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	14.000.000.000	-	14.000.000.000	(147.446.185)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Cao Bằng	5.750.000.000	(968.480.134)	5.750.000.000	(1.057.311.635)
	<b>19.750.000.000</b>	<b>(968.480.134)</b>	<b>19.750.000.000</b>	<b>(1.204.757.820)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư tại thời điểm 31/12/2023.

**Đầu tư dài hạn khác**

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	Số 85 Mã Mây, Hàng Buồm, Hoàn Kiếm, Hà Nội	14,00%	14,00%	Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Khoáng sản Công nghiệp Cao Bằng	Xã Phong Châu, Huyện Trùng Khánh, Cao Bằng	5,24%	5,24%	Khai thác quặng sắt

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2023	2.130.177.336	4.109.541.000	1.738.782.828	7.978.501.164
Mua trong năm	172.400.000	-	-	172.400.000
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.302.577.336</b>	<b>4.109.541.000</b>	<b>1.738.782.828</b>	<b>8.150.901.164</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2023	1.793.705.951	4.109.541.000	1.738.782.828	7.642.029.779
Khấu hao trong năm	110.042.942	-	-	110.042.942
Phân loại lại	21.243.102	-	-	21.243.102
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>1.924.991.995</b>	<b>4.109.541.000</b>	<b>1.738.782.828</b>	<b>7.773.315.823</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2023	336.471.385	-	-	336.471.385
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>377.585.341</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>377.585.341</b>

*Trong đó:*

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.761.530.664 VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Tại ngày 01/01/2023	2.902.299.300	2.902.299.300
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.902.299.300</b>	<b>2.902.299.300</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Tại ngày 01/01/2023	2.894.653.510	2.894.653.510
Khấu hao trong năm	28.888.892	28.888.892
Phân loại lại	(21.243.102)	(21.243.102)
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>2.902.299.300</b>	<b>2.902.299.300</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày 01/01/2023	7.645.790	7.645.790
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	3.301.296.658	3.199.512.783
Tiền lãi phân bổ	1.390.496.577	1.357.333.023
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.811.793.235</b>	<b>4.676.845.806</b>

**16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Đình Ngọc Huế (*)	-	3.000.000.000
Phải trả các đối tượng khác	35.523.391	153.114.564
	<b>35.523.391</b>	<b>3.153.114.564</b>

(\*) Tại ngày 19/12/2022, Công ty nhận chuyển nhượng 310.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Halas Việt Nam (“Halas”) từ ông Đình Ngọc Huế, tương đương 14,76% vốn điều lệ của Halas, giá trị nhận chuyển nhượng là 17,5 tỷ VND. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty còn nợ ông Đình Ngọc Huế số tiền mua cổ phần là 3 tỷ VND, số tiền này đã được công ty thanh toán hết bằng tiền gửi ngân hàng trong tháng 01 năm 2023.

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	45.800.390	127.432.249
	<b>45.800.390</b>	<b>127.432.249</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trích trước chi phí dịch vụ tòa nhà ICON 4	20.000.000	20.000.000
Trích trước chi phí phải trả Sở Giao dịch chứng khoán, Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	35.171.351	77.810.830
Trích trước chi phí hoạt động công ty chứng khoán	46.648.173	46.647.773
	<b>101.819.524</b>	<b>144.458.603</b>

**19 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Nhận đặt cọc cho thuê văn phòng	60.000.000	60.000.000
	<b>60.000.000</b>	<b>60.000.000</b>

**20 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

**a) Ngắn hạn**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.098.600.796	1.098.600.796
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.609.755	4.297.255
	<b><u>1.102.210.551</u></b>	<b><u>1.102.898.051</u></b>

**b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả cổ tức cho cổ đông	1.098.600.796	1.098.600.796
	<b><u>1.098.600.796</u></b>	<b><u>1.098.600.796</u></b>

**23 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

**a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	31/12/2023 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2023 VND
Ông Nguyễn Đình Việt	29,82%	150.000.000.000	29,82%	150.000.000.000
Ông Nguyễn Đình Tú	22,47%	113.000.000.000	22,47%	113.000.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	5,81%	29.200.000.000	5,81%	29.200.000.000
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	41,90%	210.800.000.000	41,90%	210.800.000.000
	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>503.000.000.000</u></b>	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>503.000.000.000</u></b>

**b) Lợi nhuận chưa phân phối**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	30.158.910.143	35.863.314.259
Lợi nhuận chưa thực hiện	(26.628.947.412)	(33.980.320.654)
	<b><u>3.529.962.731</u></b>	<b><u>1.882.993.605</u></b>

**c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	35.863.314.259	48.092.745.819
Lỗ chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	(26.628.947.412)	(33.980.320.654)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm nay tính từ đầu năm	(5.704.404.116)	(12.229.431.560)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	30.158.910.143	35.863.314.259
<b>Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm tài chính</b>	<b><u>30.158.910.143</u></b>	<b><u>35.863.314.259</u></b>



d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	503.000.000.000	503.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	503.000.000.000	503.000.000.000

e) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.300.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	50.300.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.300.000	50.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.300.000	50.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

24 . THUYẾT MINH CÁC TÀI KHOẢN LOẠI 0

	31/12/2023	01/01/2023
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.122,25	1.122,25
- EURO	41,41	41,39

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	66.190.220.000	69.028.250.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	330.000	330.000
	<b>66.190.550.000</b>	<b>69.028.580.000</b>

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	39.300.460.000	39.400.460.000
	<b>39.300.460.000</b>	<b>39.400.460.000</b>

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	545.136.070.000	602.226.190.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	2.688.000.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.050.000.000	2.050.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.289.360.000	1.610.160.000
	<b>548.475.430.000</b>	<b>608.574.350.000</b>

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	542.720.000	183.860.000
	<b>542.720.000</b>	<b>183.860.000</b>

29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.225.564.918	13.981.493.844
1. Nhà đầu tư trong nước	11.976.140.553	13.629.585.175
2. Nhà đầu tư nước ngoài	249.424.365	351.908.669
Tiền gửi của tổ chức phát hành	1.256.103	1.256.138
1. Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh đại lý phát hành	1.256.103	1.256.138
	<b>12.226.821.021</b>	<b>13.982.749.982</b>

30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	12.225.564.918	13.981.493.844
1.1. Nhà đầu tư trong nước	11.976.140.553	13.629.585.175
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	249.424.365	351.908.669
	<b>12.225.564.918</b>	<b>13.981.493.844</b>

31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	1.256.103	1.256.138
	<b>1.256.103</b>	<b>1.256.138</b>

32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	-	338.561.072
1.1 Phải trả gốc margin	-	336.256.356
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	336.256.356
1.2 Phải trả lãi margin	-	2.304.716
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	2.304.716
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	4.974.962.499
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	4.965.032.435
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	4.965.032.435
2.2 Phải trả lãi nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	-	9.930.064
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	-	9.930.064
	<b>-</b>	<b>5.313.523.571</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

Số 243A Đê La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**33 . THU NHẬP**

**a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính**

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
				Lãi VND	Lỗ VND	Lãi VND	Lỗ VND
Cổ phiếu niêm yết							
- Sàn Hà Nội	1.125.000	53.491.531.700	65.379.381.840	1.073.006.858	12.960.856.998	1.408.588.825	13.923.150.001
- Sàn TP. Hồ Chí Minh	919.000	32.809.000.000	35.204.567.797	387.027.912	2.782.595.709	-	2.664.000.000
- Sàn Upcom	690.009	10.590.520.000	10.215.626.432	685.978.946	311.085.378	1.192.084.815	2.388.250.222
		10.092.011.700	19.959.187.611	-	9.867.175.911	216.504.010	8.870.899.779
		<b>53.491.531.700</b>	<b>65.379.381.840</b>	<b>1.073.006.858</b>	<b>12.960.856.998</b>	<b>1.408.588.825</b>	<b>13.923.150.001</b>



b) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính	Giá trị mua theo số kê toán VND	Giá trị hợp lý/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2023		Chênh lệch điều chỉnh số kê toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
<b>FVTPL</b>	<b>194.794.501.663</b>	<b>168.163.303.070</b>	<b>2.293.119.508</b>	<b>(28.924.318.101)</b>	<b>3.058.717.438</b>	<b>(37.040.448.371)</b>	<b>24.647.284.345</b>	<b>17.296.752.005</b>
Cổ phiếu niêm yết	16.584.412.203	15.521.100.000	-	(1.063.312.203)	-	(1.118.690.000)	1.106.000.000	1.050.622.203
- Sàn Hà Nội	16.584.412.203	15.521.100.000	-	(1.063.312.203)	-	(1.118.690.000)	1.106.000.000	1.050.622.203
DDG	-	-	-	-	-	(1.106.000.000)	1.106.000.000	-
EID	16.584.412.203	15.521.100.000	-	(1.063.312.203)	-	(12.690.000)	-	1.050.622.203
- Sàn Hồ Chí Minh	3.907.563.608	3.853.318.070	707.471.683	(761.717.221)	87.926.526	(3.119.039.796)	2.978.557.534	1.689.802
EVF	711.401.398	1.026.800.000	315.398.602	-	-	(2.009.169.525)	2.324.568.127	-
HAI	88.152	12.640	-	(75.512)	-	(75.512)	-	-
HDB	806.307.793	1.050.525.000	244.217.207	-	-	(167.275.833)	411.493.040	-
KHP	1.394.000.000	657.947.500	-	(736.052.500)	-	(849.417.500)	113.365.000	-
LPB	57.501.057	85.034.250	27.533.193	-	29.222.995	-	-	1.689.802
QBS	201.504.209	175.915.000	-	(25.589.209)	-	(93.101.426)	67.512.217	-
SAM	736.760.999	857.083.680	120.322.681	-	58.703.531	-	61.619.150	-
Cổ phiếu huy niêm yết	513.000	59.400	-	(453.600)	-	(524.611)	71.011	-
- CIC	513.000	59.400	-	(453.600)	-	(453.600)	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	174.302.012.852	148.788.825.600	1.585.647.825	(27.098.835.077)	2.970.790.912	(32.802.264.975)	20.562.726.811	16.244.440.000
- Sàn Upcom	174.302.012.852	148.788.825.600	1.585.647.825	(27.098.835.077)	2.970.790.912	(32.802.264.975)	20.562.726.811	16.244.440.000
DIC	86.375.585.989	72.550.400.000	-	(13.825.185.989)	-	(31.041.168.189)	17.215.982.200	-
HAF (*)	26.508.169.088	13.234.520.000	-	(13.273.649.088)	2.952.790.912	-	-	16.226.440.000
ILS	61.418.257.775	63.003.905.600	1.585.647.825	-	-	(1.761.025.775)	3.346.673.600	-
MGG (*)	-	-	-	-	18.000.000	-	-	18.000.000
SBS	-	-	-	-	-	-	-	24.625.726
<b>Loại AFS</b>	<b>73.753.027.112</b>	<b>66.419.745.014</b>	<b>-</b>	<b>(7.333.282.098)</b>	<b>-</b>	<b>(7.418.329.248)</b>	<b>109.672.876</b>	<b>24.625.726</b>
Cổ phiếu chưa niêm yết	73.753.027.112	66.419.745.014	-	(7.333.282.098)	-	(7.418.329.248)	109.672.876	24.625.726
- Công ty Cổ phần Điện máy	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Khu Nghi Dương & Sân Golf Đầm Vạc	32.253.027.112	25.995.497.380	-	(6.257.529.732)	-	(6.367.202.608)	109.672.876	-
- Công ty Cổ phần Công nghiệp Chiến Công	25.000.000.000	23.924.247.634	-	(1.075.752.366)	-	(1.051.126.640)	-	24.625.726
- Công ty Cổ phần Halas Việt Nam (*)	13.500.000.000	13.500.000.000	-	-	-	-	-	-
	<b>268.547.528.775</b>	<b>234.583.048.084</b>	<b>2.293.119.508</b>	<b>(36.257.600.199)</b>	<b>3.058.717.438</b>	<b>(44.458.777.619)</b>	<b>24.756.957.221</b>	<b>17.321.377.731</b>

(\*) Khoản đầu tư vào bên liên quan (Mối quan hệ với bên liên quan chi tiết tại Thuyết minh số 44)

c) <b>Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS</b>	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	3.428.101.400	3.327.062.200
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5.567.006.383	6.012.993.147
Từ các khoản cho vay	294.285.390	855.331.924
	<b>9.289.393.173</b>	<b>10.195.387.271</b>

d) <b>Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính</b>	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>Thu nhập hoạt động khác</b>	<b>3.968.898.000</b>	<b>4.608.000.000</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Tiền lãi khác (*)	3.968.898.000	4.608.000.000
<b>Thu nhập thuần hoạt động khác</b>	<b>3.968.898.000</b>	<b>4.608.000.000</b>

(\*) Tiền lãi chậm bàn giao liên quan đến khoản ứng trước cho Công ty Cổ phần An Sinh để đảm bảo thực hiện hợp đồng thuê văn phòng số 02/AS-HĐVP ngày 02/03/2021. (Chi tiết tại Thuyết minh số 08)

#### 34 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	840.902	725.222
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	62.790
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	840.902	662.432
Doanh thu lãi liên gửi không kỳ hạn	559.737.855	247.822.778
	<b>560.578.757</b>	<b>248.548.000</b>

#### 35 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái	-	79.226
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	46.489
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	32.737
Chi phí dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(236.277.686)	1.204.757.820
	<b>(236.277.686)</b>	<b>1.204.837.046</b>



## 36 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	3.347.053.807	4.794.587.342
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	181.174.247	238.620.889
Chi phí công cụ, dụng cụ	522.117.852	505.823.943
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	78.623.386	102.015.228
Chi phí thuế, phí và lệ phí	22.127.951	63.127.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.923.843.277	2.374.892.923
Chi phí khác	652.918.847	427.361.573
	<b>6.727.859.367</b>	<b>8.506.429.482</b>

## 37 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu cho thuê mặt bằng	180.000.000	270.000.000
	<b>180.000.000</b>	<b>270.000.000</b>

## 38 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	777.500.000	264.831.169
	<b>777.500.000</b>	<b>264.831.169</b>

## 39 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.646.969.126	(18.610.192.319)
Các khoản điều chỉnh tăng	18.372.490.365	21.805.083.206
- Thu nhập HĐQT không trực tiếp điều hành	298.238.360	234.625.080
- Lỗi đánh giá các tài sản tài chính chưa thực hiện	17.296.752.005	21.305.626.957
- Các khoản bị phạt	777.500.000	264.831.169
Các khoản điều chỉnh giảm	(28.076.226.647)	(18.251.298.703)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(3.428.101.400)	(3.327.062.200)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(840.902)	-
- Lãi đánh giá các tài sản tài chính chưa thực hiện	(24.647.284.345)	(14.924.236.503)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(8.056.767.156)	(15.056.407.816)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(9.791.025.170)	(9.791.025.170)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(9.791.025.170)</b>	<b>(9.791.025.170)</b>



**40 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	1.646.969.126	(18.610.192.319)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.646.969.126	(18.610.192.319)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	50.300.000	50.300.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>33</b>	<b>(370)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

**41 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	168.163.303.070	-	-	168.163.303.070
	<b>168.163.303.070</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>168.163.303.070</b>

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	162.994.302.570	-	-	162.994.302.570
	<u>162.994.302.570</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>162.994.302.570</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.234.744.655	-	-	4.234.744.655
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	110.100.000.000	-	-	110.100.000.000
Các khoản phải thu	12.045.830.994	-	-	12.045.830.994
	<u>126.380.575.649</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>126.380.575.649</u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.667.636.184	-	-	1.667.636.184
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	99.600.000.000	-	-	99.600.000.000
Các khoản cho vay	5.301.288.791	-	-	5.301.288.791
Các khoản phải thu	17.375.328.162	-	-	17.375.328.162
	<u>123.944.253.137</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>123.944.253.137</u>



**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 31/12/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	1.137.733.942	-	-	1.137.733.942
Chi phí phải trả	101.819.524	-	-	101.819.524
	<u><b>1.239.553.466</b></u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u><b>1.239.553.466</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>				
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	4.256.012.615	-	-	4.256.012.615
Chi phí phải trả	144.458.603	-	-	144.458.603
	<u><b>4.400.471.218</b></u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u><b>4.400.471.218</b></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu hoạt động	1.106.023.950	29.148.392.603	12.255.630.303	42.510.046.856
Chi phí hoạt động	3.017.480.664	30.500.776.700	816.317.442	34.334.574.806
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	560.578.757
Chi phí không phân bổ	-	-	-	6.491.581.681
<b>Kết quả hoạt động</b>	<b>(1.911.456.714)</b>	<b>(1.352.384.097)</b>	<b>11.439.312.861</b>	<b>2.244.469.126</b>
Tài sản bộ phận trực tiếp	5.497.550.392	241.916.330.182	102.821.552.970	350.235.433.544
Tài sản không phân bổ				168.363.717.657
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.497.550.392</b>	<b>241.916.330.182</b>	<b>102.821.552.970</b>	<b>518.599.151.202</b>
Nợ phải trả không phân bổ				3.715.583.356
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.715.583.356</b>

Theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Phố Wall	Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đình Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
Tổng Công ty Đức Giang - Công ty Cổ phần	Ủy viên HĐQT là ông Nguyễn Đình Tú - Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
Công ty Cổ phần Halas Việt Nam	Chủ tịch HĐQT là ông Trần Đình Tùng - Trưởng ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát là ông Nguyễn Viết Thắng - Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2023</u> VND	<u>Năm 2022</u> VND
<b>Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Nguyễn Đình Tú	Chủ tịch HĐQT	132.030.000	132.000.000
Ông Phạm Đức Long	Phó Chủ tịch HĐQT	132.000.000	258.982.660
Ông Trần Anh Dũng	Ủy viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/04/2023)	-	-
Ông Nguyễn Viết Thắng	Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	451.323.736	458.616.703
Ông Nguyễn Văn Thư	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	-	-
Ông Ngô Tiến Minh	Ủy viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/04/2023)	34.208.360	102.625.080
		<b>749.562.096</b>	<b>952.224.443</b>
<b>Thù lao, tiền lương, thưởng của thành viên Ban kiểm soát</b>			
- Trần Đình Tùng	Trưởng ban kiểm soát	-	-
- Trịnh Công Thắng	Thành viên ban kiểm soát	120.198.421	134.463.113
- Đoàn Văn Hưng	Thành viên ban kiểm soát	-	-
		<b>120.198.421</b>	<b>134.463.113</b>
<b>Tiền lương, thưởng của Tổng Giám đốc và người quản lý khác</b>			
- Nguyễn Đăng Trường	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm Ủy viên HĐQT ngày 28/04/2023)	546.139.103	556.786.356
		<b>546.139.103</b>	<b>556.786.356</b>

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Vũ Thị Yến  
Người lập

Vũ Thị Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Cty Cổ Phần  
Chứng Khoán  
Phố WALL

Digitally signed by Cty Cổ Phần Chứng Khoán Phố WALL  
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Đống Đa, CN=Cty Cổ Phần Chứng Khoán Phố WALL,  
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102590252  
Reason: I am the author of this document  
Location: your signing location here  
Date: 2024.03.12 10:11:03+07'00'  
Foxit Reader Version: 10.1.0



Trên đây là toàn văn Báo cáo thường niên năm 2023 của  
CTCP CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL

Được lập và công bố theo quy định về Quản trị Công ty đại chúng, niêm yết

Ngày 01. tháng 04. năm 2024

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN ĐÌNH TỬ**



# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023**

## **CTCP CHỨNG KHOÁN PHỐ WALL**

---